

Số: 17/2026/QĐST-LĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH  
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG**

**V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:*** Bà Lê Thị Ngọc

- ***Thư ký phiên họp:*** Ông Nguyễn Đình Giang - Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp:*** Bà Bùi Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 429/2025/LĐ-ST ngày 04 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 291/2025/QĐMPH-LĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Trương Thị D, sinh năm 1987; thường trú: Xóm C, xã Q, tỉnh Nghệ An; địa chỉ liên hệ: Số B, tổ C, khu phố C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- ***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

+ Công ty TNHH P; địa chỉ: Khu phố A, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội cơ sở B1; địa chỉ: Số A, L, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:**

- ***Theo đơn yêu cầu và lời khai trong quá trình giải quyết người yêu cầu - bà Trương Thị D trình bày:***

Hiện nay bà Trương Thị D có nhu cầu rút bảo hiểm nên bà có liên hệ với Bảo hiểm xã hội được thông báo rằng trong khoảng thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 bà D có ký hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P. Tuy nhiên trên thực tế cùng khoảng thời gian này, bà D cũng đang làm việc tại một công ty khác và cũng được tham gia đóng bảo hiểm xã hội tại đó. Như vậy, cùng một thời điểm bà D lại bị đóng trùng bảo hiểm tại hai công ty. Bà Trương Thị D xác định rằng trong khoảng thời gian nêu trên, bà không phải là người giao kết hợp đồng lao động và không làm việc tại Công ty TNHH P; việc giao kết hợp đồng lao động mang tên bà là do người khác đã sử dụng thông tin cá nhân của bà để giao kết.

Nhận thấy việc thông tin cá nhân của bà Trương Thị Dư B sử dụng để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P là trái quy định pháp luật, vi phạm nguyên tắc trung thực, đồng thời ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà D. Vì vậy, bà D đề nghị Tòa án xem xét, tuyên bố Hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị D và Công ty TNHH P trong thời gian từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 là vô hiệu để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà D.

Do bản công việc nên bà Trương Thị D có yêu cầu giải quyết vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH P trình bày:* Công ty luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định pháp luật lao động. Trường hợp của bà Trương Thị D đã không trung thực trong việc cung cấp hồ sơ, đã giả mạo tình vi khi ứng tuyển vào công ty năm 2008, dẫn đến những hệ lụy pháp lý hiện tại có người đã không trung thực trong việc sử dụng thông tin khi vào làm việc tại công ty thì công ty không có ý kiến gì. Kính đề nghị Q tòa giải quyết đúng theo quy định của pháp luật. Do bản công việc nên đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên họp và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của bà Trương Thị D là có căn cứ, đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị D, Công ty TNHH P có yêu cầu giải quyết vắng mặt; bảo hiểm xã hội cơ sở B1 vắng mặt; Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Xem xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Trong thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 06/2024, người lao động tên Trương Thị D giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH G và được Công ty T, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số 7408177866. Tuy nhiên trong thời gian từ 4/2008 đến tháng 01/2009 cũng đã có người sử dụng thông tin cá nhân của bà Trương Thị D tiếp tục tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P với mã số bảo hiểm 7408086082.

[2.2] Xét thấy, lời khai của bà D, Công ty TNHH P và công văn số 273/CV-BHXX V/v xác nhận quá trình tham gia BHXH của T cơ sở D1, xác định được trong cùng một khoảng thời gian từ tháng 7/2008 đến tháng 01/2009 bà D có cùng 02 mã số bảo hiểm xã hội khác nhau.

Thực tế đối tượng lao động và đối tượng ký kết hợp đồng tại Công ty TNHH P từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 là một người khác chứ không phải là bà Trương Thị D, trường hợp này là vi phạm nguyên tắc “trung thực” quy định tại Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019), do đó căn cứ Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, nên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà Trương Thị D.

[2.3] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Trương Thị D về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị D với Công ty

TNHH P theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408086082 trong khoảng thời gian làm việc từ 4/2008 đến tháng 01/2009 bị vô hiệu.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về nội dung việc lao động, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên họp là phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về lệ phí: Bà Trương Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 9 Bộ luật lao động năm 1994 (khoản 1 Điều 15 Bộ luật lao động năm 2019).

- Điều 132 Bộ luật dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015).

- Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Trương Thị D.

- Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Trương Thị D với Công ty TNHH P từ tháng 4/2008 đến tháng 01/2009 (theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408086082) bị vô hiệu.

- Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7408086082 không phải là bà Trương Thị D, sinh năm 1987, giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 040187089304. Bà Trương Thị D được quyền liên hệ với T có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội số 7408086082.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Trương Thị D phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0042816 ngày 27/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 16 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Lê Thị Ngọc**